



nước, các nhiệm vụ quốc phòng an ninh và an sinh xã hội trên địa bàn huyện được kiểm soát chặt chẽ, triệt để tiết kiệm ngay trong khâu giao dự toán, tăng chi đầu tư phát triển ...

Với nội dung như trên, phòng Tài chính – Kế hoạch Thông báo công khai số liệu thu, chi ngân sách nhà nước quý III năm 2018 để các cơ quan, đơn vị được biết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, Ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Khanh Nghiêm



UBND HUYỆN ĐẮK SONG
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 329/TB-TCKH ngày 05 / 9 /2018 của phòng Tài chính - KH huyện Đắk Song)

DVT: Ngân đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện đến hết Quý III năm 2018	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	96.500.000	108.245.833	112	15
I	Thu cân đối NSNN	96.500.000	96.703.699	100	25
1	Thu nội địa	96.500.000	96.703.699	100	
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		11.542.134		
III	Thu QLQNS				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	323.940.650	217.023.294	67	67
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	323.940.650	217.023.294	67	67
1	Chi đầu tư phát triển	43.863.000	33.615.528	77	
2	Chi thường xuyên	220.308.000	143.806.675	65	
3	Chi Chương trình MTQG	6.237.000		-	
4	Chi chuyển giao ngân sách	47.140.650	39.601.092	84	
5	Dự phòng ngân sách	6.392.000		-	

UBND HUYỆN ĐẮK SONG
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 29/TB-TCKH ngày 03/9/2018 của phòng Tài chính - KH huyện Đắk Song)



ĐVT: *Ngàn đồng*

Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý III năm 2018	So sánh thực hiện với (%)	
			Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
Tổng thu NSNN trên địa bàn (A+B)	96.500.000	96.703.699	100	25
A. Thu trong cân đối	96.500.000	96.703.699	100	25
I. Thu thuế phí, lệ phí	72.530.000	65.529.989	90	
1. Thu từ DNNN TW	800.000	381.288	48	
- Thuế giá trị gia tăng	730.000	362.175	50	
- Thuế tài nguyên	70.000	19.112	27	
2. Thu từ DNNN ĐP	12.380.000	6.323.112	51	
- Thuế giá trị gia tăng	6.650.000	2.604.239	39	
- Thuế thu nhập DN	1.470.000	1.976.555	134	
- Thuế tài nguyên	4.260.000	1.742.317	41	
Trong đó: + Thu từ thủy điện	4.190.000	1.627.377	39	
3. Thu từ DN có vốn ĐTNN	-	-		
4. Thu thuế ngoài quốc doanh	19.700.000	29.114.719	148	
- Thuế giá trị gia tăng	13.930.000	24.673.257	177	
- Thuế thu nhập DN	1.650.000	1.088.860	66	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	220.000	185.386	84	
- Thuế tài nguyên	3.900.000	3.167.216	81	
Trong đó: + Thu từ thủy điện	1.500.000	369.826	25	
5. Thuế thu nhập cá nhân	12.250.000	8.931.538	73	
6. Thuế chuyển quyền sử dụng đất				
7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		69.230		
8. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.000.000	2.183.139	218	
9. Lệ phí trước bạ	20.500.000	10.412.767	51	
10. Thu phí và lệ phí	3.200.000	5.287.410	165	
- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước Trung ương thực hiện thu	700.000	530.424	76	
- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu	100.000	2.863.196	2.863	
- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước cấp huyện, xã hiện thu	2.400.000	1.893.791	79	
11. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.500.000	2.826.786	113	
12. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	200.000		-	
II. Thu tiền sử dụng đất	18.000.000	24.660.419	137	
III. Thu khác ngân sách	5.970.000	6.129.521	103	
IV. Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi NHNN		383.771		
B. Các khoản thu huy động đóng góp	-	-		